

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2018

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Đài Truyền hình Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ, là đài truyền hình quốc gia thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình truyền hình và các loại hình báo chí, truyền thông đa phương tiện khác.

2. Đài Truyền hình Việt Nam có tên viết tắt tiếng Việt là THVN; tên giao dịch quốc tế tiếng Anh là Vietnam Television, viết tắt là VTV.

3. Đài Truyền hình Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông về báo chí và truyền hình.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm và các dự án quan trọng khác của Đài Truyền hình Việt Nam và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng, trình cấp có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn quốc gia; ban hành tiêu chuẩn cơ sở theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức sản xuất, truyền dẫn, phát sóng, phát hành, lưu trữ các chương trình truyền hình, báo điện tử, báo in theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển của hệ thống truyền hình Việt Nam.

5. Quyết định và chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình và thời lượng phát sóng hàng ngày trên các kênh chương trình của Đài Truyền hình Việt Nam theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý trực tiếp hệ thống kỹ thuật chuyên dùng của Đài Truyền hình Việt Nam để sản xuất chương trình, truyền dẫn tín hiệu và phát sóng chương trình, kênh chương trình trong nước và ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

7. Chủ trì, phối hợp với các đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình địa phương về kế hoạch sản xuất các chương trình phát trên kênh chương trình của Đài Truyền hình Việt Nam.

8. Quản lý, quyết định các dự án đầu tư và xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; tham gia thẩm định các đề án, dự án quan trọng thuộc chuyên môn, nghiệp vụ được Thủ tướng Chính phủ giao.

9. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc; được vận dụng cơ chế tài chính, tiền lương như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế tài chính phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đài Truyền hình Việt Nam và quy định của pháp luật, trình cấp có thẩm quyền ban hành.

11. Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với các doanh nghiệp do Đài Truyền hình Việt Nam quyết định thành lập và đối với phần vốn góp tại các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ truyền hình; hợp tác quốc tế về lĩnh vực truyền hình và truyền thông đa phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

13. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành truyền hình theo quy định của pháp luật.

14. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Đài Truyền hình Việt Nam theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Đài Truyền hình Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

16. Quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước được giao theo quy định của pháp luật.

17. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật.

18. Tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện chế độ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Thư ký biên tập.

2. Ban Tổ chức cán bộ.

3. Ban Kế hoạch - Tài chính.

4. Ban Hợp tác quốc tế.

5. Ban Kiểm tra.

6. Văn phòng.

7. Ban Thời sự.

8. Ban Khoa giáo.

9. Ban Truyền hình tiếng dân tộc.

10. Ban Truyền hình đối ngoại.

11. Ban Văn nghệ.

12. Ban Sản xuất các chương trình Giải trí.

13. Ban Sản xuất các chương trình Thể thao.

14. Ban Biên tập truyền hình cáp.
15. Ban Thanh thiếu niên.
16. Trung tâm Phim tài liệu và Phóng sự.
17. Trung tâm Sản xuất phim truyền hình.
18. Trung tâm Tư liệu.
19. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Huế.
21. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng.
22. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Nha Trang.
23. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Cần Thơ.
24. Các cơ quan thường trú Đài Truyền hình Việt Nam tại nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật.
25. Trung tâm Kỹ thuật sản xuất chương trình.
26. Trung tâm Kỹ thuật truyền dẫn phát sóng.
27. Trung tâm Mỹ thuật.
28. Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ truyền hình.
29. Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền hình.
30. Trung tâm Tin học và Công nghệ truyền hình.
31. Tạp chí Truyền hình.

Các đơn vị quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này là tổ chức giúp việc Tổng giám đốc; các đơn vị quy định từ khoản 7 đến khoản 27 Điều này là các tổ chức sản xuất, phát sóng chương trình; các đơn vị quy định từ khoản 28 đến khoản 31 Điều này là các tổ chức sự nghiệp khác.

Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam báo cáo xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ việc thành lập, giải thể và tổ chức sắp xếp các đơn vị khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ban Thư ký biên tập được tổ chức 15 phòng; Văn phòng được tổ chức 10 phòng.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Đài Truyền hình Việt Nam có Tổng giám đốc và không quá 04 Phó Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Đài Truyền hình Việt Nam; các Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công.

4. Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của các đơn vị trực thuộc.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Nghị định số 18/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam và Nghị định số 72/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị định số 18/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc